

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 39

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 04/9/2019 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 17 ngày 04/09/2019 là: 405.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bàn Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch
	Ông Đỗ Quang Lợi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/6/2020)
	Ông Nguyễn Đức Dân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/11/2020)
	Ông Bùi Quang Chung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/6/2020)
	Ông Trần Đức Hậu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/11/2020)
	Ông Dương Văn Quyền	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (từ 01/01/2020-22/11/2020 là Thành viên, bổ nhiệm Trưởng ban ngày 23/11/2020)
	Ông Trần Đức Hậu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23/11/2020)
	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
	Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/11/2020)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Dương Văn Quyền	Tổng Giám đốc
	Ông Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22/6/2020)
	Ông Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Sản xuất (miễn nhiệm ngày 01/6/2020)
	Ông Nguyễn Phương Châu	Giám đốc Thiết bị

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 6.2 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Dương Văn Quyền**  
**Tổng Giám đốc**

Sơn La, ngày 31 tháng 3 năm 2021



Số: 160/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, được lập ngày 31/3/2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 02/3/2020 với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



---

**Bùi Thị Thuý****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 04/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2021*

---

**Vũ Xuân Hùng****Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2017-137-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>232.674.278.639</b>	<b>16.162.999.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>265.195.812</b>	<b>462.861.536</b>
1. Tiền	111		265.195.812	462.861.536
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>227.246.876.779</b>	<b>11.340.379.315</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	123.473.277.321	10.312.456.531
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	330.355.000	960.549.118
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	103.443.244.458	67.373.666
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.943.943.022</b>	<b>3.273.768.468</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.5	4.943.943.022	3.273.768.468
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>218.263.026</b>	<b>1.085.989.776</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	161.017.923	140.557.863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		57.245.103	945.431.913
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>748.393.833.083</b>	<b>1.321.192.546.147</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>616.695.644.030</b>	<b>1.295.211.215.857</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	616.695.644.030	1.295.121.215.857
- Nguyên giá	222		767.945.008.861	1.599.327.262.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(151.249.364.831)	(304.206.047.084)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	-	90.000.000
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(270.000.000)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>28.860.909</b>	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		28.860.909	-
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>117.341.456.502</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.745.256.323	6.745.256.323
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		117.341.456.502	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.745.256.323)	(6.745.256.323)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.327.871.642</b>	<b>25.981.330.290</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	14.327.871.642	25.981.330.290
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>981.068.111.722</b>	<b>1.337.355.545.242</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=330)</b>	<b>300</b>		<b>553.517.432.089</b>	<b>996.187.299.094</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>227.979.502.840</b>	<b>251.410.214.954</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	17.471.350.571	90.898.028.595
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	135.000.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	27.750.869.877	17.916.261.248
4. Phải trả người lao động	314		1.560.622.346	3.127.516.016
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	1.602.346.824	940.469.186
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	27.601.313.222	64.191.528.909
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	16.993.000.000	74.336.411.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>325.537.929.249</b>	<b>744.777.084.140</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	22.413.458.225	60.841.169.811
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	302.509.940.000	683.636.720.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		614.531.024	299.194.329
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>427.550.679.633</b>	<b>341.168.246.148</b>
<b>(400 = 410+430)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16	<b>427.550.679.633</b>	<b>341.168.246.148</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.842.712.531	(66.555.362.840)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(66.555.362.840)	(83.189.237.252)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		86.398.075.371	16.633.874.412
13 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		162.512.557	178.154.443
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>981.068.111.722</b>	<b>1.337.355.545.242</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hằng

Sơn La, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Dương Văn Quyền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	103.105.996.998	196.869.853.560
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	103.105.996.998	196.869.853.560
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	67.863.062.753	92.739.542.716
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>35.242.934.245</b>	<b>104.130.310.844</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	141.942.293.935	40.230.559
7. Chi phí tài chính	22	5.20	53.888.176.053	78.466.495.563
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.726.947.153	78.300.326.476
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		15.099.456.502	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	7.457.175.141	7.602.734.935
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>130.939.333.488</b>	<b>18.101.310.905</b>
12. Thu nhập khác	31	5.22	1.561.941.963	52.091.484
13. Chi phí khác	32	5.22	2.201.951.227	325.288.260
<b>14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>	<b>5.22</b>	<b>(640.009.264)</b>	<b>(273.196.776)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>130.299.324.224</b>	<b>17.828.114.129</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	23.351.554.044	917.539.937
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		315.336.695	299.194.329
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>106.632.433.485</b>	<b>16.611.379.863</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		106.648.075.371	16.633.874.412
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(15.641.886)	(22.494.549)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	2.633,29	410,16

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Sơn La, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Dương Văn Quyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		130.299.324.224	17.828.114.129
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		24.886.926.160	36.578.833.861
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(2.336.400)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(141.176.146.624)	(40.230.559)
- Chi phí lãi vay	06		53.726.947.153	78.300.326.476
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67.734.714.513	132.667.043.907
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(99.326.310.654)	18.911.953.056
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.670.174.554)	(2.650.087)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(373.659.747)	(8.436.526.409)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.990.056.582)	(6.378.748.893)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(50.947.317.510)	(96.872.690.657)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(998.384.484)	(1.182.026.310)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88.571.189.019)	38.706.354.607
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.450.898.409)	(10.694.443.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		300.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(146.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		342.561.771.443	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.692.176.761	40.230.559
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		196.353.049.795	(10.654.212.986)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		28.324.006.363	98.850.537.445
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(118.313.417.363)	(128.174.959.798)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.990.115.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(107.979.526.500)	(29.324.422.353)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(197.665.724)	(1.272.280.732)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		462.861.536	1.735.142.268
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		265.195.812	462.861.536

Sơn La, ngày 31 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Thu Hằng



Dương Văn Quyền



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 04/9/2019 với mã số doanh nghiệp 5500271984.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 17 ngày 04/09/2019 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bàn Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 41 (tại ngày 31/12/2019 là 66).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý môi giới đầu giá; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa phân vào đầu, tư vấn đầu tư;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Hoạt động tư vấn quản lý;
- Dịch vụ thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản
- Xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu giải trí cao cấp, sân golf, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh điện năng.

#### 1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị phụ thuộc như sau:

Văn phòng đại diện - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc.

Công ty con:

Công ty có các Công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Sản xuất và kinh doanh điện năng	99,75%	99,75%

- Công ty con không được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2020: Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc do Công ty này đã dừng hoạt động.

Công ty có công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến : được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 5500611260 ngày 28/5/2020. Vốn điều lệ 276,6 tỷ đồng. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc nắm giữ 36,96% vốn góp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La. Công ty con không được hợp nhất Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2020: Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc do Công ty này đã dừng hoạt động.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và Công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)**

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 05 năm.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Thời gian khấu hao (số năm)</b>
Hệ thống đập Nhà máy thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng. Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 02 đến 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí kiểm toán, chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Công ty Mua bán Điện; Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy thủy điện như sau:

- Công ty mẹ: Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, Công ty đang áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế TNDN là 10% và giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập tính thuế của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường; Riêng hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư không được hưởng ưu đãi trên.
- Công ty con: Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2032); Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2021); Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến hết năm 2030);

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính là sản xuất kinh doanh điện trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	143.480.693	89.311.322
Tiền gửi ngân hàng	121.715.119	373.550.214
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Tổng</b>	<b>265.195.812</b>	<b>462.861.536</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>123.473.277.321</b>	<b>10.312.456.531</b>
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	3.647.261.350
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.781.277.321	6.665.195.181
Vương Thanh Tùng (*)	115.692.000.000	-
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>123.473.277.321</b>	<b>10.312.456.531</b>

(\*): Khoản phải thu của ông Vương Thanh Tùng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 12/11/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và ông Vương Thanh Tùng về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Số lượng cổ phần chuyển nhượng là 12.960.000 cổ phần, giá trị chuyển nhượng là 132.192.000.000 đồng, số tiền chưa thanh toán là 115.692.000.000 đồng. Công ty đã thu hồi toàn bộ 115,692 tỷ đồng trong tháng 2/2021.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>330.355.000</b>	<b>960.549.118</b>
Công ty TNHH tư vấn Quản lý và Phát triển doanh nghiệp Á Châu	-	107.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và thương mại Tây Bắc	25.000.000	440.175.560
Công ty TNHH Thiết bị thủy điện Cần Nam Phúc Kiến	-	153.502.800
Văn phòng Luật sư Ban Mai	-	100.000.000
Công ty Cổ phần công nghệ Bách Khoa	88.605.000	-
Công ty TNHH DTSAFE	44.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán CPA VietNam	44.000.000	-
Công ty TNHH Truyền thông TVC 360 Việt Nam	82.500.000	82.500.000
Trả trước người bán khác	46.250.000	77.370.758
<b>Tổng</b>	<b>330.355.000</b>	<b>960.549.118</b>

**5.4 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>103.443.244.458</b>	-	<b>67.373.666</b>	-
Tạm ứng	4.149.764.661	-	59.373.666	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	12.000.000	-	8.000.000	-
Công ty Bảo hiểm BIDV Tây Bắc	235.152.597	-	-	-
Đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình (1)	27.000.000.000	-	-	-
Ông Nguyễn Xuân Tuyền (2)	36.000.000.000	-	-	-
Bà Vũ Thị Trà (2)	36.000.000.000	-	-	-
Phải thu khác	46.327.200	-	-	-
<b>Trong đó: phải thu khác là các bên liên quan:</b>	<b>9.000.000.000</b>	-	-	-
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>				
<b>Tổng</b>	<b>103.443.244.458</b>	-	<b>67.373.666</b>	-

(1) Khoản đặt cọc thực hiện theo Nghị quyết số 2110/NQ-HĐQT ngày 21/10/2020 về việc thông qua Phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình. Theo đó giá trị đầu tư là 30 tỷ đồng, tỷ lệ đặt cọc 90%. Số dư đặt cọc mua cổ phần thực hiện theo các Hợp đồng:

- Hợp đồng đặt cọc số 2610A/2020/HDDC-NED ngày 26/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Trần Văn Hưởng (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng.

- Hợp đồng đặt cọc số 2310/2020/HDDC-NED ngày 23/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Trần Đức Hậu (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.4 Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác (Tiếp theo)**

- Hợp đồng đặt cọc số 2610b/2020/HDDC-NED ngày 26/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Nguyễn Ngọc Hà (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 1.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần HNC Ninh Bình, giá trị chuyển nhượng là 10 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 9 tỷ đồng.

(2) Thực hiện theo Nghị quyết số 2512/NQ-HĐQT ngày 25/12/2020 của HĐQT Công ty về Phương án đầu tư vào Công ty TNHH Đầu tư KCN Việt - Nhật. Theo đó, giá trị đầu tư: 80 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc tối đa 90% là 72 tỷ đồng.

Công ty thực hiện ký 2 hợp đồng đặt cọc như sau:

- Hợp đồng đặt cọc số 2612B/2020/HDDC-NED-VN ngày 26/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và ông Nguyễn Xuân Tuyên (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 7,14% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp Việt Nhật, giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 36 tỷ đồng. Thời gian các Bên đàm phán ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng Vốn: Dự kiến từ ngày 16/03/2021 và hoàn thành trước ngày 16/04/2021.

- Hợp đồng đặt cọc số 2612A/2020/HDDC-NED-VN ngày 26/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (bên đặt cọc) và bà Vũ Thị Trà (bên nhận cọc) về việc đặt cọc mua 7,14% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Khu công nghiệp Việt Nhật, giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng. Giá trị đặt cọc là 36 tỷ đồng. Thời gian các Bên đàm phán ký kết Hợp Đồng Chuyển Nhượng Vốn: Dự kiến từ ngày 16/03/2021 và hoàn thành trước ngày 16/04/2021.

**5.5 Hàng tồn kho**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	141.354.571	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	4.802.588.451	-	3.273.768.468	-
<b>Tổng</b>	<b>4.943.943.022</b>	<b>-</b>	<b>3.273.768.468</b>	<b>-</b>

**5.6 Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>161.017.923</b>	<b>140.557.863</b>
Công cụ, dụng cụ	-	140.557.863
Chi phí bảo hiểm công trình	161.017.923	-
<b>Dài hạn</b>	<b>14.327.871.642</b>	<b>25.981.330.290</b>
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	1.233.474.545	2.362.216.361
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	11.798.477.589	22.090.255.453
Chi phí kết nối SCADA nhà máy với Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc	-	53.357.901
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	496.571.854	879.730.719
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	461.217.960	72.851.139
Chi phí cải tạo đường dây dẫn 35KV	-	522.918.717
Chi phí dự toán, khảo sát	338.129.694	-
<b>Tổng</b>	<b>14.488.889.565</b>	<b>26.121.888.153</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.7 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2020	1.051.204.107.620	542.576.997.354	3.720.386.330	1.726.271.637	99.500.000	1.599.327.262.941
Tăng trong năm	259.433.636	4.108.158.409	-	54.445.455	-	4.422.037.500
Mua trong năm	-	4.108.158.409	-	54.445.455	-	4.162.603.864
Đầu tư XDCB hoàn thành	259.433.636	-	-	-	-	259.433.636
Giảm trong năm	513.765.305.498	321.547.555.945	-	391.930.137	99.500.000	835.804.291.580
Thanh lý, nhượng bán	-	1.454.545.455	-	-	-	1.454.545.455
Góp vốn vào công ty liên doanh liên kết	513.765.305.498	320.093.010.490	-	391.930.137	99.500.000	834.349.746.125
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>537.698.235.758</b>	<b>225.137.599.818</b>	<b>3.720.386.330</b>	<b>1.388.786.955</b>	<b>-</b>	<b>767.945.008.861</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2020	195.099.015.407	108.241.956.151	144.681.698	672.767.116	47.626.712	304.206.047.084
Tăng trong năm	16.118.775.076	8.143.758.967	124.012.884	407.566.733	2.812.500	24.796.926.160
Khấu hao trong năm	16.118.775.076	8.143.758.967	124.012.884	407.566.733	2.812.500	24.796.926.160
Giảm trong năm	110.375.577.942	67.075.467.480	-	252.123.779	50.439.212	177.753.608.413
Thanh lý, nhượng bán	-	392.743.875	-	-	-	392.743.875
Góp vốn vào công ty liên doanh liên kết	110.375.577.942	66.682.723.605	-	252.123.779	50.439.212	177.360.864.538
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>100.842.212.541</b>	<b>49.310.247.638</b>	<b>268.694.582</b>	<b>828.210.070</b>	<b>-</b>	<b>151.249.364.831</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2020	856.105.092.213	434.335.041.203	3.575.704.632	1.053.504.521	51.873.288	1.295.121.215.857
Tại 31/12/2020	436.856.023.217	175.827.352.180	3.451.691.748	560.576.885	-	616.695.644.030

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 616.057.627.551 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 1.295.044.514.140 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2020 là 7.974.299.327 đồng (tại thời điểm ngày 31/12/2019 là 14.226.383.479 đồng).



**5.8 Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phân mềm tin học VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại 01/01/2020	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	360.000.000	360.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại 01/01/2020	270.000.000	270.000.000
Tăng trong năm	90.000.000	90.000.000
Khấu hao trong năm	90.000.000	90.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2020	360.000.000	360.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại 01/01/2020	90.000.000	90.000.000
Tại 31/12/2020	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 360.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		31/12/2020 (VND)			01/01/2020 (VND)		
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>6.745.256.323</b>		<b>(6.745.256.323)</b>	<b>6.745.256.323</b>		<b>(6.745.256.323)</b>
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (*)	100,00%	100,00%	6.745.256.323		(6.745.256.323)	6.745.256.323		(6.745.256.323)
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>			<b>117.341.456.502</b>		-	-		-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển điện Nậm Chiến (**)	36,96%	36,96%	117.341.456.502		-	-		-
<b>Tổng</b>			<b>124.086.712.825</b>	<b>(***)</b>	<b>(6.745.256.323)</b>	<b>6.745.256.323</b>	<b>(***)</b>	<b>(6.745.256.323)</b>

(\*) Chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020; không được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty như sau:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2010. Ngày 19/12/2012, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc đã ra Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc. Tại ngày 29/01/2016, Ban Tổng Giám đốc đã trình Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc để dần kiểm soát hoạt động của Công ty này và giảm thiệt hại tài chính cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Phương án đề trình bao gồm:

- + Quyết định nội dung điều lệ công ty sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty;
- + Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý của công ty;
- + Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
- + Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Hội đồng Quản trị chưa có kế hoạch tái cơ cấu Công ty con. Từ ngày 16/5/2016, Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc không hợp nhất số liệu của Công ty con - Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc vào Báo cáo tài chính hợp nhất này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(\*\*): Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 08/6/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc về việc phê duyệt triển khai chi tiết phương án góp vốn bằng tài sản và chuyển giao khoản nợ vay ngân hàng hình thành nên tài sản sang Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến là 276,6 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc nắm giữ 27.650.000 cổ phần (276,5 tỷ đồng), tương ứng 99,96% vốn điều lệ. Tính đến ngày 31/12/2020, Công ty đã hoàn thành chuyển nhượng 17.425.800 cổ phần, chiếm 63% vốn điều lệ. Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong năm 2020 là 134.370.771.443 đồng.

Đối với số cổ phần còn lại, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN ngày 18/9/2020 và Hợp đồng số 2512/2020/HĐCN ngày 25/12/2020 về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến cho Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc. Đến ngày 04/01/2021, các bên đã hoàn thành chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến.

(\*\*\*) Tại ngày lập Báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.10 Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>17.471.350.571</b>	<b>17.471.350.571</b>	<b>90.898.028.595</b>	<b>90.898.028.595</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	-	6.847.902.463	6.847.902.463
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	527.453.240	527.453.240	7.494.484.870	7.494.484.870
CN Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	-	-	2.355.732.494	2.355.732.494
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ Phú Cường	-	-	3.488.718.644	3.488.718.644
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long	-	-	25.842.225.202	25.842.225.202
Chi nhánh Sông Đà 9.02	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Nạo vét hồ thủy điện	600.450.000	600.450.000	11.826.999.392	11.826.999.392
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	9.048.396.745	9.048.396.745	16.348.396.745	16.348.396.745
Công ty Cổ phần LILAMA 10	-	-	2.909.995.249	2.909.995.249
Phải trả người bán khác	4.923.476.656	4.923.476.656	10.211.999.606	10.211.999.606
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Trong đó: phải trả người bán là các bên liên quan:</b>	-	-	<b>25.842.225.202</b>	<b>25.842.225.202</b>
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 6.1)</i>				
<b>Tổng</b>	<b>17.471.350.571</b>	<b>17.471.350.571</b>	<b>90.898.028.595</b>	<b>90.898.028.595</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	-	6.847.902.463	6.847.902.463
Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà	527.453.240	527.453.240	7.494.484.870	7.494.484.870
CN Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	-	-	2.355.732.494	2.355.732.494
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ Phú Cường	-	-	3.488.718.644	3.488.718.644
Chi nhánh Sông Đà 9.02	-	-	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và thương mại Nam Hà	1.067.126.500	1.067.126.500	237.368.000	237.368.000
<b>Tổng</b>	<b>3.966.153.670</b>	<b>3.966.153.670</b>	<b>23.995.780.401</b>	<b>23.995.780.401</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.11 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>135.000.000.000</b>	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc (*)	135.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>135.000.000.000</b>	-

(\*): Số tiền thanh toán trước cho Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN ngày 18/9/2020 về việc chuyển nhượng 6.638.400 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến và Hợp đồng số 2512/2020/HĐCN ngày 25/12/2020 về việc chuyển nhượng 3.585.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc. Hợp đồng chuyển nhượng số 1809/2020/HĐCN và Hợp đồng chuyển nhượng 2512/2020/HĐCN đã được thanh lý và các bên đã hoàn thiện thủ tục điều chỉnh sổ cổ đông, cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tại ngày 04/01/2021.

**5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước***Đơn vị tính: VND*

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020
<b>Phải nộp</b>	<b>17.916.261.248</b>	<b>42.351.510.869</b>	<b>32.516.902.240</b>	<b>27.750.869.877</b>
Thuế giá trị gia tăng	4.837.152.011	6.680.753.737	10.428.299.129	1.089.606.619
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	887.792.115	23.461.153.024	998.384.484	23.350.560.655
- Phát sinh trong năm		23.351.554.044		
- Truy thu các năm trước		109.598.980		
Thuế thu nhập cá nhân	428.445.855	386.249.379	147.330.226	667.365.008
Thuế tài nguyên	2.851.071.455	7.207.153.528	8.819.796.536	1.238.428.447
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.911.799.812	4.616.201.201	12.123.091.865	1.404.909.148

(\*): Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm bao gồm thuế TNDN năm hiện hành là 23.119.170.331 đồng và thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2019 là 109.598.980 đồng.

**5.13 Chi phí phải trả**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	41.712.364
Lãi vay phải trả	1.473.710.460	158.190.458
Chi phí kiểm định, thí nghiệm định kỳ, quan trắc môi trường, đầu tư tài sản cho các Nhà máy thủy điện và chi phí khác	115.000.000	740.566.364
<b>Tổng</b>	<b>1.602.346.824</b>	<b>940.469.186</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.14 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>27.601.313.222</b>	<b>64.191.528.909</b>
Kinh phí công đoàn	339.935.535	424.172.580
Bảo hiểm xã hội	-	21.839.914
Bảo hiểm y tế	-	4.283.640
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.713.456
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.044.904
Phải trả lãi vay cơ cấu ngân hàng (*)	15.260.386.498	43.553.149.686
Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	5.951.906.866	16.837.425.587
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	8.471.577.900
+ Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà (**)	5.951.906.866	5.951.906.866
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	-	1.705.755.206
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	708.185.615
Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi	2.124.690.990	2.124.690.990
+ Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà (**)	2.124.690.990	2.124.690.990
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	740.363.637	740.363.637
Phải trả tiền cổ tức	1.983.360.500	-
Khoản chi khen thưởng về việc hoàn thành dự án	1.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	123.664.292	406.844.515
<b>b. Dài hạn</b>	<b>22.413.458.225</b>	<b>60.841.169.811</b>
Phải trả lãi vay cơ cấu ngân hàng	22.413.458.225	60.841.169.811
<b>Tổng</b>	<b>50.014.771.447</b>	<b>125.032.698.720</b>

**Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	5.951.906.866	16.837.425.587
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	8.471.577.900
+ Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà (**)	5.951.906.866	5.951.906.866
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	-	1.705.755.206
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	708.185.615
Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi	2.124.690.990	2.124.690.990
+ Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà (**)	2.124.690.990	2.124.690.990
Lãi vay các Nhà máy thủy điện chậm trả ngân hàng	-	12.238.594.905
<b>Tổng</b>	<b>8.076.597.856</b>	<b>31.200.711.482</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.14 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

(\*) Theo Biên bản thỏa thuận trả nợ giữa BIDV Sơn La với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc ngày 08/3/2021 về lịch trả nợ năm 2021.

(\*\*) Ngày 29/11/2019, Tòa án Nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định số 04/2019/QĐST-KDTM công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (nay là Công ty Cổ phần SOMECO Sông Đà), Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà tiền gốc và tiền lãi chậm thanh toán là 15.571.082.726 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>16.993.000.000</b>	<b>16.993.000.000</b>	<b>45.317.006.363</b>	<b>102.660.417.363</b>	<b>74.336.411.000</b>	<b>74.336.411.000</b>
<b>a.1) Vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>28.324.006.363</b>	<b>57.879.840.363</b>	<b>29.555.834.000</b>	<b>29.555.834.000</b>
- Vay cá nhân						
<i>Trần Văn Huyền</i>	-	-	<i>25.324.006.363</i>	<i>54.879.840.363</i>	<i>29.555.834.000</i>	<i>29.555.834.000</i>
<i>Nguyễn Đức Dân</i>	-	-	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>	-	-
<i>Võ Văn Dũng</i>	-	-	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	-	-
<b>a.2) Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>16.993.000.000</b>	<b>16.993.000.000</b>	<b>16.993.000.000</b>	<b>44.780.577.000</b>	<b>44.780.577.000</b>	<b>44.780.577.000</b>
<b>(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2</b>	-	-	-	<b>27.560.577.000</b>	<b>27.560.577.000</b>	<b>27.560.577.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	-	-	-	<i>20.974.000.000</i>	<i>20.974.000.000</i>	<i>20.974.000.000</i>
Hợp đồng số 07/000001/HĐTĐ (1.1)	-	-	-	<i>14.644.000.000</i>	<i>14.644.000.000</i>	<i>14.644.000.000</i>
Hợp đồng số 01/2012/HĐTĐNC2 (1.2)	-	-	-	<i>2.830.000.000</i>	<i>2.830.000.000</i>	<i>2.830.000.000</i>
Hợp đồng số 01/2013/HĐTĐNC2 (1.4)	-	-	-	<i>3.500.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>	<i>3.500.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang	-	-	-	<i>4.106.000.000</i>	<i>4.106.000.000</i>	<i>4.106.000.000</i>
Hợp đồng số 07/000001/HĐTĐ (1.1)	-	-	-	<i>2.384.000.000</i>	<i>2.384.000.000</i>	<i>2.384.000.000</i>
Hợp đồng số 01/2012/HĐTĐNC2 (1.3)	-	-	-	<i>1.222.000.000</i>	<i>1.222.000.000</i>	<i>1.222.000.000</i>
Hợp đồng số 01/2013/HĐTĐNC2 (1.4)	-	-	-	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>	<i>500.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Sơn La	-	-	-	<i>2.480.577.000</i>	<i>2.480.577.000</i>	<i>2.480.577.000</i>
Hợp đồng số 638/15/TĐ-TĐ/XH	-	-	-	<i>2.480.577.000</i>	<i>2.480.577.000</i>	<i>2.480.577.000</i>
<b>(2) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công</b>	<b>8.023.000.000</b>	<b>8.023.000.000</b>	<b>8.023.000.000</b>	<b>8.800.000.000</b>	<b>8.800.000.000</b>	<b>8.800.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	<i>6.453.000.000</i>	<i>6.453.000.000</i>	<i>6.453.000.000</i>	<i>4.708.000.000</i>	<i>4.708.000.000</i>	<i>4.708.000.000</i>
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (2.1)	<i>6.293.000.000</i>	<i>6.293.000.000</i>	<i>6.293.000.000</i>	<i>4.524.000.000</i>	<i>4.524.000.000</i>	<i>4.524.000.000</i>
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (2.2)	<i>160.000.000</i>	<i>160.000.000</i>	<i>160.000.000</i>	<i>184.000.000</i>	<i>184.000.000</i>	<i>184.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	<i>1.570.000.000</i>	<i>1.570.000.000</i>	<i>1.570.000.000</i>	<i>4.092.000.000</i>	<i>4.092.000.000</i>	<i>4.092.000.000</i>
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (2.1)	<i>1.032.000.000</i>	<i>1.032.000.000</i>	<i>1.032.000.000</i>	<i>3.476.000.000</i>	<i>3.476.000.000</i>	<i>3.476.000.000</i>
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (2.2)	<i>538.000.000</i>	<i>538.000.000</i>	<i>538.000.000</i>	<i>616.000.000</i>	<i>616.000.000</i>	<i>616.000.000</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>(3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	904.000.000	904.000.000	940.000.000	940.000.000	904.000.000	904.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (3.1)	904.000.000	904.000.000	940.000.000	940.000.000	904.000.000	904.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	2.516.000.000	2.516.000.000	2.480.000.000	1.180.000.000	1.216.000.000	1.216.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (3.1)	2.396.000.000	2.396.000.000	2.360.000.000	1.060.000.000	1.096.000.000	1.096.000.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (3.2)	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
<b>(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>	<b>1.400.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
Hợp đồng số 01/2018/1253105/HĐTĐ (4.1)	-	-	-	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
<b>(5) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5</b>	<b>5.550.000.000</b>	<b>5.550.000.000</b>	<b>5.550.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (5)	5.550.000.000	5.550.000.000	5.550.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000	4.900.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>302.509.940.000</b>	<b>302.509.940.000</b>	<b>3.011.000.000</b>	<b>384.137.780.000</b>	<b>683.636.720.000</b>	<b>683.636.720.000</b>
<b>(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>266.283.780.000</b>	<b>266.283.780.000</b>	<b>266.283.780.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	-	-	-	227.681.000.000	227.681.000.000	227.681.000.000
Hợp đồng số 07/000001/HĐTĐ (1.1)	-	-	-	200.344.000.000	200.344.000.000	200.344.000.000
Hợp đồng số 01/2012/HĐTĐNC2 (1.2)	-	-	-	2.081.000.000	2.081.000.000	2.081.000.000
Hợp đồng số 01/2013/HĐTĐNC2 (1.4)	-	-	-	25.256.000.000	25.256.000.000	25.256.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang	-	-	-	38.602.780.000	38.602.780.000	38.602.780.000
Hợp đồng số 07/000001/HĐTĐ (1.1)	-	-	-	34.202.000.000	34.202.000.000	34.202.000.000
Hợp đồng số 01/2012/HĐTĐNC2 (1.2)	-	-	-	957.780.000	957.780.000	957.780.000
Hợp đồng số 01/2013/HĐTĐNC2 (1.4)	-	-	-	3.443.000.000	3.443.000.000	3.443.000.000
<b>(2) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công</b>	<b>103.630.540.000</b>	<b>103.630.540.000</b>	<b>-</b>	<b>27.023.000.000</b>	<b>130.653.540.000</b>	<b>130.653.540.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	67.304.515.000	67.304.515.000	-	6.453.000.000	73.757.515.000	73.757.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (2.1)	66.956.515.000	66.956.515.000	-	6.293.000.000	73.249.515.000	73.249.515.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (2.2)	348.000.000	348.000.000	-	160.000.000	508.000.000	508.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	36.326.025.000	36.326.025.000	-	20.570.000.000	56.896.025.000	56.896.025.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTĐ (2.1)	34.942.485.000	34.942.485.000	-	20.032.000.000	54.974.485.000	54.974.485.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNC (2.2)	1.383.540.000	1.383.540.000	-	538.000.000	1.921.540.000	1.921.540.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>(3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi</b>	<b>126.029.400.000</b>	<b>126.029.400.000</b>	<b>3.011.000.000</b>	<b>26.431.000.000</b>	<b>149.449.400.000</b>	<b>149.449.400.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	64.247.000.000	64.247.000.000	-	5.251.000.000	69.498.000.000	69.498.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (3.1)	64.247.000.000	64.247.000.000	-	5.251.000.000	69.498.000.000	69.498.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	61.782.400.000	61.782.400.000	3.011.000.000	21.180.000.000	79.951.400.000	79.951.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTĐ (3.1)	57.964.400.000	57.964.400.000	3.011.000.000	21.060.000.000	76.013.400.000	76.013.400.000
Hợp đồng số 02/2012/HĐTĐNS (3.2)	3.818.000.000	3.818.000.000	-	120.000.000	3.938.000.000	3.938.000.000
<b>(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 3</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>58.850.000.000</b>	<b>58.850.000.000</b>	<b>58.850.000.000</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	-	-	-	58.850.000.000	58.850.000.000	58.850.000.000
Hợp đồng số 01/2018/1253105/HĐTĐ (4.1)	-	-	-	58.850.000.000	58.850.000.000	58.850.000.000
<b>(5) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5</b>	<b>72.850.000.000</b>	<b>72.850.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.550.000.000</b>	<b>78.400.000.000</b>	<b>78.400.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (5)	72.850.000.000	72.850.000.000	-	5.550.000.000	78.400.000.000	78.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>319.502.940.000</b>	<b>319.502.940.000</b>	<b>48.328.006.363</b>	<b>486.798.197.363</b>	<b>757.973.131.000</b>	<b>757.973.131.000</b>

**(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2**

**(1.1)** Tất toán khoản nợ theo Hợp đồng chuyển nghĩa vụ nợ số 01/HĐ-NC2 ngày 24/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (Ngân hàng Đầu Mối và Bên cho vay) và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Giang (Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (Bên vay) và Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến (Bên nhận nợ). Các bên đồng ý để Bên nhận nợ nhận lại các khoản nợ gốc, lãi vay của Bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La.

**(1.2)** Tất toán khoản nợ theo Hợp đồng chuyển nghĩa vụ nợ số 03/HĐ-NC2 ngày 24/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (Ngân hàng Đầu Mối và Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (Bên vay) và Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến (Bên nhận nợ). Các bên đồng ý để Bên nhận nợ nhận lại các khoản nợ gốc, lãi vay của Bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La.

**(1.3)** Tất toán khoản nợ theo Hợp đồng chuyển nghĩa vụ nợ số 04/HĐ-NC2 ngày 24/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (Ngân hàng Đầu Mối và Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (Bên vay) và Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến (Bên nhận nợ). Các bên đồng ý để Bên nhận nợ nhận lại các khoản nợ gốc, lãi vay của Bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La.





## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

(1.4) Tất toán khoản nợ theo Hợp đồng chuyển nghĩa vụ nợ số 02/HĐ-NC2 ngày 24/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (Ngân hàng Đầu Mối và Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (Bên vay) và Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến (Bên nhận nợ). Các bên đồng ý để Bên nhận nợ nhận lại các khoản nợ gốc, lãi vay của Bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La.

#### (2) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 8/9/2009 ký giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTDNC ngày 29/6/2012 ký Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (16/9/2025)
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VNĐ. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

#### (3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi

(3.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 ký Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VNĐ; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sọi;
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTD và 01/2013/NS-HĐTD (15/03/2026);
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(3.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HĐTD ngày 29/6/2012 ký Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VNĐ;
- Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc)
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 15/3/2026;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sọi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sọi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VNĐ. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
<b>Tổng</b>	<b>45.000.000.000</b>	<b>180.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

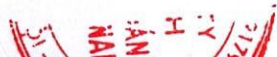
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 3**

(4.1) Tất toán khoản nợ theo Hợp đồng chuyển nghĩa vụ nợ số 01/HĐ-NC3 ngày 24/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (Ngân hàng Đầu Mối và Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (Bên vay) và Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến (Bên nhận nợ). Các bên đồng ý để Bên nhận nợ nhận lại các khoản nợ gốc, lãi vay của Bên vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La.

(5): Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ theo Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 01/2017-HDCVDADT/NHCT322-NCSL ngày 12 tháng 09 năm 2017 với số tiền tối đa là 90.000.000.000 đồng và không vượt quá 69,8% tổng chi phí đầu tư thực tế (không gồm VAT). Thời hạn vay tối đa 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên không vượt quá 31/08/2030. Hình thức cho vay: Cho vay theo từng lần theo dự án đầu tư. Lãi suất của hợp đồng là lãi suất điều chỉnh, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/HDTCD/NHCT322-NCSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 09 năm 2017 và động sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/HDTCD/NHCT322-NCSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 09 năm 2017.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**  
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09 - DN/HN

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2019	405.000.000.000	2.545.454.545	(83.189.237.252)	200.648.992	324.556.866.285
Lãi trong năm trước	-	-	16.633.874.412	(22.494.549)	16.611.379.863
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>405.000.000.000</b>	<b>2.545.454.545</b>	<b>(66.555.362.840)</b>	<b>178.154.443</b>	<b>341.168.246.148</b>
Số dư tại 01/01/2020	405.000.000.000	2.545.454.545	(66.555.362.840)	178.154.443	341.168.246.148
Lãi trong năm nay	-	-	106.648.075.371	(15.641.886)	106.632.433.485
Tạm ứng cổ tức 2020 (*)	-	-	(20.250.000.000)	-	(20.250.000.000)
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>405.000.000.000</b>	<b>2.545.454.545</b>	<b>19.842.712.531</b>	<b>162.512.557</b>	<b>427.550.679.633</b>

(\*): Tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/09/2020. Số tiền chi tạm ứng cổ tức là 20,25 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 5%/cổ phiếu (500 VND/cổ phiếu). Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã chi trả số tiền 17,990 tỷ đồng tiền tạm ứng cổ tức.

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	211.938.790.000	291.695.790.000
Ông Trần Văn Huyền	80.000.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Mạnh	20.362.600.000	20.362.600.000
Các cổ đông khác	92.698.610.000	92.941.610.000
<b>Tổng</b>	<b>405.000.000.000</b>	<b>405.000.000.000</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Cổ tức đã chia	20.250.000.000	-

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	40.500.000	40.500.000
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Cổ tức**

Công ty tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/09/2020. Số tiền chi tạm ứng cổ tức là 20,25 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 5%/cổ phiếu (500 VND/cổ phiếu). Đến ngày 31/12/2020, Công ty đã chi trả số tiền 17,990 tỷ đồng tiền tạm ứng cổ tức.

**5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	102.820.121.063	196.501.612.895
Doanh thu chứng chỉ Recs	-	368.240.665
Doanh thu khác	285.875.935	-
<b>Tổng</b>	<b>103.105.996.998</b>	<b>196.869.853.560</b>

**5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn điện thương phẩm	67.577.186.818	92.569.841.457
Giá vốn dịch vụ khác	285.875.935	169.701.259
<b>Tổng</b>	<b>67.863.062.753</b>	<b>92.739.542.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.19 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.692.176.761	40.230.559
Lãi bán các khoản đầu tư	137.245.771.443	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.345.731	-
<b>Tổng</b>	<b>141.942.293.935</b>	<b>40.230.559</b>

**5.20 Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	53.726.947.153	78.300.326.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.228.900	11.338.197
Chi phí tài chính khác	150.000.000	154.830.890
<b>Tổng</b>	<b>53.888.176.053</b>	<b>78.466.495.563</b>

**5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.368.054.127	4.179.278.987
Chi phí vật liệu quản lý	779.029.472	1.150.664.706
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.254.545	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	484.795.750	393.920.889
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.446.150.765	995.273.811
Chi phí bằng tiền khác	1.364.890.482	883.596.542
<b>Tổng</b>	<b>7.457.175.141</b>	<b>7.602.734.935</b>

**5.22 Thu nhập khác/chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Xử lý công nợ phải trả không phải trả	1.561.795.289	-
Thu nhập khác	146.674	52.091.484
<b>Tổng</b>	<b>1.561.941.963</b>	<b>52.091.484</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chênh lệch thuần giữa giá trị còn lại cao hơn giá bán của tài sản thanh lý	761.801.580	-
Các khoản bị phạt liên quan đến nghĩa vụ thuế	1.438.655.323	190.701.527
Chi phí khác	1.494.324	134.586.733
<b>Tổng</b>	<b>2.201.951.227</b>	<b>325.288.260</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(640.009.264)</b>	<b>(273.196.776)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	23.351.554.044	917.539.937
<b>Tổng</b>	<b>23.351.554.044</b>	<b>917.539.937</b>

**5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	106.632.433.485	16.611.379.863
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(15.641.886)	(22.494.549)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông công ty Mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	106.648.075.371	16.633.874.412
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	40.500.000	40.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>2.633,29</b>	<b>410,16</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt****Lương và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2020 VND
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Đỗ Quang Lợi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/6/2020)	74.659.091
Trần Văn Huyền	Chủ tịch HĐQT	215.681.818
Dương Văn Quyền	Thành viên HĐQT kiêm TGD	218.349.803
Đặng Thị Kiều Trang	Thư ký HĐQT	92.348.814
Nguyễn Đức Dân	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/11/2020)	-
Ông Bùi Quang Chung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/6/2020)	-
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 23/11/2020)	-
<b>Ban Giám đốc</b>		
Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22/6/2020)	135.275.154
Nguyễn Văn Minh	Giám đốc Sản xuất (miễn nhiệm ngày 01/6/2020)	75.247.826
Nguyễn Phương Châu	Giám đốc thiết bị	129.043.866
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Bùi Thị Vân	Trưởng ban (từ 01/01/2020-22/11/2020 là Thành viên, bỏ nhiệm Trưởng ban ngày 23/11/2020)	188.211.015
Ông Trần Đức Hậu	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23/11/2020)	-
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	-
Bà Đặng Thị Huyền	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 23/11/2020)	-
<b>Tổng</b>		<b>1.128.817.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan**

<b>Các khoản phải trả</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>01/01/2020 VND</b>
Công ty cổ phần Sông Đà Hoàng Long	Công ty mẹ	Phải trả người bán	-	25.842.225.202

<b>Các khoản phải thu</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>31/12/2020 VND</b>	<b>01/01/2020 VND</b>
Ông Trần Văn Hậu	Thành viên HĐQT	Đặt cọc mua cổ phần	9.000.000.000	-

**Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Công ty CP phát triển điện Nậm Chiến	Công ty liên kết	Mua hàng	13.928.874.714	-
Ông Trần Văn Huyền	Cổ đông lớn	Bán cổ phần	14.433.000.000	-
Công ty CP phát triển điện Nậm Chiến	Công ty liên kết	Bán hàng	60.178.435	-
Công ty CP phát triển điện Nậm Chiến	Công ty liên kết	Lãi vay	4.590.765.944	-

**6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Kể từ ngày 16/1/2021, Bà Nguyễn Thị Thu Hằng được bổ nhiệm là Kế toán trưởng của Công ty, thay ông Trương Tuấn Tú theo quyết định số 01-2/QĐ-HĐQT ngày 16/01/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc. Theo đó, Báo cáo tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 sẽ được ký bởi Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - chức danh Kế toán trưởng.

Tính đến ngày 04/01/2021, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Phát triển điện Nậm Chiến.

**6.3 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	<b>Năm 2020 VND</b>	<b>Năm 2019 VND</b>
Góp vốn vào công ty liên kết bằng tài sản	656.988.881.587	-
- Nguyên giá	834.349.746.125	-
- Giá trị còn lại	177.360.864.538	-
Góp vốn vào Công ty liên kết bằng công cụ dụng cụ	14.623.055.170	-
Chuyển nợ vốn vay đầu tư tài sản sang Công ty liên kết	348.480.780.000	-
Chuyển lãi cơ cấu vay đầu tư tài sản sang Công ty liên kết	46.631.156.757	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

MẪU B 09-DN/HN

**6.4 Thông tin so sánh**

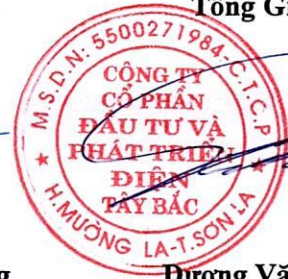
Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Sơn La, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thu Hằng**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**

**Đương Văn Quyền**

